

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4873/TTr-SNNMT ngày 11/5/2026.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục I kèm theo).

**Điều 2.** Bãi bỏ các thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực bảo vệ thực vật (*thủ tục hành chính số 10, mục I, phần A*); 05 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực trồng trọt (*thủ tục hành chính số 05, 06, 07, 08, 09, mục II, phần A*) được công bố tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

2. Bãi bỏ 06 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực trồng trọt (*thủ tục hành chính số 01, 02, 03, 04, 05, 06, mục I, phần A*) được công bố tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 10/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

(có Phụ lục II kèm theo)

**Điều 3.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm công khai nội dung danh mục thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định; thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo Quyết định này và Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đối với các thủ tục hành chính số 06, 07, mục I, phần A, Phụ lục I kèm theo Quyết định này thực hiện từ ngày 01/7/2026.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

Tungnt, QĐ/T5/2026

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo quyết định số:           /QĐ-UBND ngày        tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

| STT      | Tên thủ tục hành chính                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                      | Phí, lệ phí (đồng)                                                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                               | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|----------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
| <b>A</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                   |                         |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</b>          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                   |                         |
| 1        | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón | - 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính | <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b><br><br>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên | - Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.<br><br>- Phí thẩm định cấp lại | - Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018;<br><br>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025;<br><br>- Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019;<br><br>- Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính;<br><br>- Điều 10, Điều 11 Nghị định số | Một cửa           | Một phần                |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                                          | Phí, lệ phí (đồng)                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                           | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|-----|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     |                                                            | <p>thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).</p> <p>- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)</p> |                                                                                                                             | <p>giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón:</p> <p>1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> | <p>33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Mục A.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p> |                   |                         |
| 2   | Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo | <p>- 08 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích</p>                                                                                                                                                                         | <p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung</p> | Không                                                                                                                                     | <p>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025;</p> <p>- Điều 23 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP</p>                                                                                                                                                                              | Một cửa           | Một phần                |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện                                                 | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     | quyết định bắt buộc    | <p>công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng.</p> <p>- 16 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về</p> | tâm Phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên |                    | <p>ngày 15/11/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 22/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Mục A.XII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p> |                   |                         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện                                                                                                                | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                          | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     |                                                                 | việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh. |                                                                                                                                   |                    |                                                                                                                         |                   |                         |
| 3   | Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b><br>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành | Không              | - Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số | Một cửa           | Một phần                |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|-----|------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     |                        |                     | chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên |                    | <p>điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025;</li> <li>- Điều 31 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ;</li> <li>- Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> <li>- Mục A.XVI Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số</li> </ul> |                   |                         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                              | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                             | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     |                                                                     |                                                  |                                                                                                                                                                                                |                    | 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |                         |
| 4   | Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên</p> | Không              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022);</li> <li>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025;</li> <li>- Điều 32 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ;</li> <li>- Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</li> </ul> | Một cửa           | Một phần                |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                        | Thời hạn giải quyết                          | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                      | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                       | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     |                                                                               |                                              |                                                                                                                                                         |                    | <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Mục A.XV Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p> |                   |                         |
| 5   | Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra | <p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | Không              | <p>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025;</p> <p>- Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ;</p>                                                                                   | Một cửa           | Một phần                |

| STT | Tên thủ tục hành chính                              | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện                                                                                         | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|-----|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     |                                                     |                                                    | các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên                                                                     |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> <li>- Mục A.XVII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</li> </ul> |                   |                         |
| 6   | Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng | 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ | <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b><br>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại | Không              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày</li> </ul>                                                                                                                                                                                         | Một cửa           | Toàn trình              |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                     | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                  | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                         | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     | miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch                                                         |                                                    | Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên                                                                                                            |                    | 15/01/2022 của Chính phủ;<br>- Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>- Mục B.I Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. |                   |                         |
| 7   | Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch | 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ | <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b><br>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên | Không              | - Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ;<br>- Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP                                     | Một cửa           | Toàn trình              |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                        | Cơ chế giải quyết | Dịch vụ công trực tuyến |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     |                        |                     |                    |                    | ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>- Mục B.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. |                   |                         |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

| STT      | Tên thủ tục hành chính                                                         | Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                         |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>                                             |                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</b>                                  |                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1        | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón                         | Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 2        | Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc | Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 3        | Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                | Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 4        | Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng            | Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 5        | Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng  | Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 6        | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện                                   | Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục                                                                                                                                   |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                    | Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | quyền đối với giống cây trồng                                                                             | thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên                                                                                                      |
| 7   | Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng                                                      | Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 10/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 8   | Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng                                                  | Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 10/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 9   | Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân                | Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 10/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 10  | Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng                                       | Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 10/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 11  | Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng                                   | Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 10/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |
| 12  | Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 10/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên |